TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯNG HÀ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2024/HS-ST
Ngày: 26- 9- 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thế Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Trung
2. Ông Đinh Trọng Thanh

***- Thư ký phiên tòa*:** ông Nguyễn Đình Trường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: bà Nguyễn Thị Toan - Kiểm sát viên

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 124/2024/TLST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2024/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn K, sinh ngày 27/12/2000 tại huyện H, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn K1, sinh năm 1967 và bà Trần Thị N (đã chết); vợ, con: chưa có; Tiền sự, tiền án: không

Nhân thân: T từ tháng 02/2019 đến tháng 02/2021 xuất ngũ.

Bị bắt tạm giam từ ngày 05/7/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T.

2. Lê Văn H, sinh ngày 02/10/1993 tại huyện H, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn B, sinh năm 1970 và bà Trần Thị L, sinh năm 1972; vợ, con; chưa có; Tiền sự, tiền án: không

Bị bắt tạm giam từ ngày 05/7/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T.

(Các bị cáo có mặt tại phiên toà)

- ***Bị hại*:** chị Trần Thị M, sinh năm 1984; Nơi cư trú: thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình (vắng mặt)

- ***Người làm chứng*:** bà Trần Thị S, sinh năm 1950; Nơi cư trú: thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 02/6/2024, Trần Văn K đi xe đạp điện màu đỏ đen, không có biển kiểm soát đến ngã tư đèn xanh đỏ đường T thuộc thôn Q, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình đón Lê Văn H đến quán H1 ở thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình để uống cà phê. Khi gặp H, K đưa xe cho H điều khiển còn K ngồi đằng sau. Do không có tiền chi tiêu nên K rủ H đi trộm cắp tài sản, H đồng ý. Cả hai đi lòng vòng quanh xã H và trục đường ĐT453 để quan sát nhà ai sơ hở trong việc quản lý tài sản thì trộm cắp. Khi đi qua nhà bà Trần Thị M, sinh năm 1984, ở mặt đường ĐT453 thuộc thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình thì K và H phát hiện trong sân trước cửa nhà bà M có để 01 xe mô tô, nhãn hiệu Lifan, sơn màu xanh, biển số đăng ký: 17AA-430.23, trị giá 3.500.000 đồng. Sân nhà bà M ngăn cách với đường ĐT453 bằng hàng rào thép B40. K và H dừng lại 02 – 03 phút quan sát sau đó đến quán H1 cách đó khoảng 100 mét ngồi. Do xung quanh có nhiều người vẫn đi lại trên đường nên K và H chưa dám trộm cắp chiếc mô tô trên ngay mà vòng đi vòng lại nhiều lần khu vực trước cửa nhà bà M. Để thực hiện hành vi trộm cắp nên K về nhà lấy 02 chiếc kìm bằng kim loại, cán bọc nhựa đỏ và 01 cưa sắt mang đi. Đến khoảng 00 giờ 40 phút ngày 03/6/2024, thấy nhà bà M đã tắt đèn đi ngủ, trên đường không có ai đi lại, K đứng cảnh giới còn H ngồi xổm dùng kìm cắt phần đầu xoắn phía dưới của dây thép rồi cắt phần đầu xoắn phía trên. Do dây thép cứng nên H và K thay nhau cắt dây cho đến khi đứt rồi dỡ dây thép theo vòng xoắn cho rời ra tạo lối đi vào. Sau đó, K vào sân dong lùi xe mô tô (xe không khóa cổ, không khóa càng) ra phía dây thép đã bị dỡ. K đứng bên trong đẩy xe, H đứng ngoài cầm phần càng sau xe kéo ra ngoài đường. Sau khi trộm cắp được xe mô tô, H dong xe vào đường bê tông đi về Đ, K đi lấy xe máy điện theo sau. Do không có chìa khóa nên xe mô tô vừa trộm cắp không nổ máy được, K và H thay nhau dong xe di chuyển về cất giấu tại ngõ vào chùa Đ, xã H. Sau đó, K và H về nhà ngủ. Khoảng 7 giờ sáng ngày 03/6/2024, K ra chùa Đ dắt xe máy về nhà mình, sau đó đã bị lực lượng công an phát hiện, bắt giữ.

Bản kết luận định giá tài sản số 34 ngày 01/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND huyện H, nội dung: 01 chiếc xe máy, nhãn hiệu Lifan, sơn màu xanh, BKS: 17AA-430.23, có số máy MBLKSL300130, số

khung B9UML1000130, mua vào tháng 7/2023 đã qua sử dụng, tại thời điểm bị xâm hại có giá trị thành tiền là 3.500.000 đồng

Bản cáo trạng số 124/CT-VKSHH ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình đã truy tố Trần Văn K và Lê Văn H về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Trần Văn K và Lê Văn H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 50, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Trần Văn K** từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/7/2024.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17; Điều 50, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Lê Văn H** từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/7/2024.

Về xử lý vật chứng : Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 01 lưỡi cưa bằng kim loại dài khoảng 30 cm, rộng 02cm; 01 chiếc kìm kim loại dài khoảng 18cm, cán bọc bằng nhựa mà đỏ bạc màu, trên cán nhựa có dòng chữ FRIENDSHIP và 01 chiếc kìm bằng kim loại dài khoảng 16cm, có cán bằng nhựa màu đỏ bạc màu, đều đã qua sử dụng

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản và đều có lời nói sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên toà vắng mặt bị hại và người làm chứng nên căn cứ vào Điều 292 và Điều 193 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về tội danh: Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng, phù hợp lời khai của bị hại và toàn bộ chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: khoảng 01giờ 00 phút ngày 03/6/2024, tại khu vực sân trước cửa nhà chị Trần Thị M, sinh năm 1984, ở mặt đường ĐT453 thuộc thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình; Trần Văn K và Lê Văn H có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô, nhãn hiệu Lifan, sơn màu xanh, biển số đăng ký: 17AA-430.23, trị giá 3.500.000 đồng của chị M. Hành vi của các bị cáo Trần Văn K và Lê Văn H đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự:

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;

đ) Tài sản là di vật, cổ vật.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng

[3] Về tính chất, mức độ, hậu quả và vai trò phạm tội: Hành vi trộm cắp tài sản của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an toàn xã hội. Bị cáo K là người khởi xướng, trực tiếp chuẩn bị công cụ đi trộm cắp tài sản, bị cáo H sau khi được bị cáo K rủ đi trộm cắp tài sản đã đồng ý và cùng với K thực hiện hành vi trộm cắp tài sản một cách tích cực. Do đó, bị cáo K giữ vai trò cao hơn bị cáo H.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo đều thành khẩn khai báo; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên đều được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị

cáo K có thời gian tham gia T nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: Từ những căn cứ trên, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn với mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để giáo dục, cải tạo các bị cáo. Bị cáo K giữ vai trò cao hơn bị cáo H nên phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo H .

6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là chị Trần Thị M đã nhận lại tài sản, không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường về dân sự nên không đặt ra giải quyết

[8] Về vật chứng của vụ án và các tài sản khác đã quản lý, thu giữ gồm:

- 01 xe mô tô, nhãn hiệu Lifan, sơn màu xanh, biển số đăng ký: 17AA-430.23 bị trộm cắp là tài sản hợp pháp của chị Trần Thị M nên cơ quan điều tra đã trả cho chị M. 01 xe máy điện, nhãn hiệu Limco electric bike, màu đen, không có biển kiểm soát, đã qua sử dụng là tài sản hợp pháp của ông Trần Văn K1, khi K lấy xe đi trộm cắp tài sản ông K1 không biết nên cơ quan điều tra trả xe lại cho ông K1 là hợp pháp.

- 01 lưỡi cưa bằng kim loại dài khoảng 30 cm, rộng 02cm; 01 chiếc kìm kim loại dài khoảng 18cm, cán bọc bằng nhựa mà đỏ bạc màu, trên cán nhựa có dòng chữ FRIENDSHIP và 01 chiếc kìm bằng kim loại dài khoảng 16cm, có cán bằng nhựa màu đỏ bạc màu, đều đã qua sử dụng. Đây là những đồ vật các bị cáo sử dụng khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và đều không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: các bị cáo Trần Văn K, Lê Văn H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 50, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo **Trần Văn K** 07 (bẩy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/7/2024.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17; Điều 50, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo **Lê Văn H** 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/7/2024.

2. Về xử lý vật chứng : Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Tịch thu tiêu hủy: 01 lưỡi cưa bằng kim loại dài khoảng 30 cm, rộng 02cm; 01 chiếc kìm kim loại dài khoảng 18cm, cán bọc bằng nhựa mà đỏ bạc màu, trên cán nhựa có dòng chữ FRIENDSHIP và 01 chiếc kìm bằng kim loại dài khoảng 16cm, có cán bằng nhựa màu đỏ bạc màu, đều đã qua sử dụng.

Vật chứng trên đang được chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện và chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình ngày 12/9/2024.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án

Các bị cáo Trần Văn K, Lê Văn H, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

***Nơi nhận*:**
- Bị cáo;
- VKSND huyện Hưng Hà;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an H.Hưng Hà;
- Cơ quan THA hình sự, Công an H.Hưng Hà;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình
- Chi cục THADS H.Hưng Hà;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Người TGTT khác;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thế Hùng